

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HS-PT
Ngày: 07/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng;

Ông Lâm Tấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Thanh P - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và tại Trại tạm giam - Công an tỉnh S (điểm cầu thành phần) xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2025/TLPT-HS ngày 08/01/2025 đối với Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q, Trần Hữu D do có kháng cáo của các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q, Trần Hữu D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Thạch Trung T, sinh ngày 18/11/1979, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Thạch H (T), sinh năm: 1951 (s) và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1964 (s); Vợ: Trần Thị Kim T1, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 01 đứa con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2024 đến nay. (Bị cáo có mặt)

2. Kỷ Liêu Minh Q, sinh ngày 04/01/1980, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học

vấn: 12/12; Con ông Kỷ C1, sinh năm: 1959 (s) và bà Liêu Kim N (Liêu Thị Kim N, Liêu Kim N1), sinh năm: 1962 (s); Vợ: Mai Mỹ H1, sinh năm 1981 và 02 đứa con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

3. Trần Hữu D, sinh ngày 07/7/1981, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện tại: ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Hữu T2, sinh năm: 1949 (s) và bà Đặng Thị B, sinh năm: 1953 (c); Vợ: Liêu Tỷ Í, sinh năm: 1983 và 02 đứa con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

- *Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Thanh B1, Trần Văn T3, Trần Thị N2, Trần Hoàng T4, Nguyễn Chí C2, Nguyễn Văn T5, Cao Minh N3, Nguyễn Văn L, Phan Quốc K, Nguyễn Vũ C3, Lâm Văn T6, Ngân hàng N7 – Chi nhánh V2, tỉnh Sóc Trăng, Lê Trường A, Lý Thúy O, Huỳnh Hải Đ, Mai Mỹ H1, Võ Văn T7, Nguyễn Hoài B2, Lê Hoàng V; Người làm chứng Nguyễn Văn Ú, Châu Ngọc M, Trương K1, Trương N4, Trần Thị K2, Huỳnh Thị T8, Vương Thị Vũ T9, Trần Huệ T10, Võ Văn N5, Võ Thanh U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ M1 - Tôm - Artemia V, thị xã V (HTX Muối) được thành lập năm 1979, đến ngày 10/6/2003 được Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 761/QĐ.HC.03 về việc giao 161,08 ha đất thuộc tờ bản đồ số 12 và 13 tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm B, phường V, thị xã V) cho Hợp tác X sử dụng vào mục đích làm muối, nuôi trồng thủy sản, nuôi Artemia. Đến ngày 07/10/2023, Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ Muối - Tôm - Artemia được Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 410141. Hợp tác xã có 71 hộ thành viên được giao đất khoán để sản xuất muối và A1, trong đó 03 hộ T, Trương N4 và Trương V1 đang canh tác 03 thửa đất được giao khoán tại địa chỉ nêu trên.

Đầu năm 2018, các hộ gia đình ông Trương V1 (đã chết), ông Trương K1 và ông Trương N4 đưa cho ông Châu Ngọc M là người môi giới làm giấy tờ đất đai, 01 tờ “*Nghị định cấp quyền sở hữu cho bà Lâm Thị C4 do chính quyền chế độ Việt Nam C cấp năm 1966*” để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất của Hợp tác xã đã giao khoán sử dụng. Các hộ Trương K, Trương N4 và Trương V1 hứa hẹn với ông Châu Ngọc M nếu làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ đưa cho ông Châu Ngọc M mỗi hộ với số tiền 25.000.000 đồng (03 hộ là 75.000.000 đồng). Sau đó, ông Châu

Ngọc M đem tờ giấy nêu trên đưa cho ông Nguyễn Văn Ú (nguyên là Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V) xem và ông Châu Ngọc M có hứa cho ông Nguyễn Văn Ú mỗi hồ sơ là 15.000.000 đồng (03 hồ sơ tổng cộng là 45.000.000 đồng). Sau đó, ông Nguyễn Văn Ú đồng ý và hướng dẫn cho ông Châu Ngọc M làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của các hộ Trương K, Trương N4, Trương V. Sau khi thỏa thuận xong, ông M đưa ông Trương V đại D1 03 hộ dân đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V ký hợp đồng kinh tế số 22 ngày 16/01/2018 về việc đo đạc đất.

Bị cáo Thạch Trung T (nguyên là Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V) được lãnh đạo phân công trực tiếp đo đạc. Sau khi đo đạc xong, bị cáo T lập phiếu xác nhận đo đạc và bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất rồi đưa cho bị cáo Kỷ Liêu Minh Q (bị cáo Q không có trực tiếp đi dẫn đạc cùng với bị cáo T) ký tên xác nhận vào mục “Người dẫn đạc” và trình cho ông Trương Thanh B1 (nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V phụ trách lĩnh vực Văn hóa - Xã hội) ký xác nhận vào các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 hộ Trương K, Trương N4 và Trương V. Ông Nguyễn Văn Ú được giao nhiệm vụ kiểm tra thông tin trên bản đồ quản lý và thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ Trương K1, Trương N4 và Trương V. Ông Ú phát hiện 03 thửa đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ Trương K, Trương N4 và Trương V là đất của Hợp tác xã S - Artemia V. Tuy nhiên, ông Ú đã nhận tiền môi giới từ Châu Ngọc M, nên đã tiến hành lập các thủ tục trình cho Trần Hữu D (nguyên là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V) kiểm tra và ký các thủ tục có trong hồ sơ và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân Trương K, Trương N4 và Trương V N6 trên. Cụ thể:

- Gia đình ông Trương K1 và Trần Thị K2: Thửa số 1024 diện tích 17.396,4m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/6/2018.

- Gia đình ông Trương V1 và Vương Thị Vũ T9: Thửa số 1023 diện tích 20.113,1m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/7/2018.

- Gia đình ông Trương N4 và Huỳnh Thị T8: Thửa số 1022 diện tích 36.650,9m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/7/2018.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Thạch Trung T và Trần Hữu D.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Kỷ Liêu Minh Q.

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Thạch Trung T: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 25/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Kỷ Liêu Minh Q: 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 25/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu D: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 14/6/2024.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự.

* Ngày 10/12/2024: Các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của Các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D lập ngày 10/12/2024 và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 11/12/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Tại phiên tòa, các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận bị cáo D và bị cáo T là lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, bị cáo Q là Công chức địa chính phường V, thị xã V, các bị cáo đã thực hiện không đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao và thực hiện không đúng quy định của Nhà nước trong việc kiểm tra, xem xét lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân gồm Trương K, Trương N4 và Trương V K3 đúng quy định của pháp luật về đất đai. Từ đó, dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân nêu trên trùng với đất của Hợp tác xã S - Artemia V, gây thiệt hại với số tiền là 2.966.416.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D phạm tội *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”* theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Thạch Trung T, Trần Hữu D về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo T11, D sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Trong công tác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tặng thưởng nhiều bằng khen; các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Riêng đối với bị cáo Thạch Trung T là người dân tộc Khmer là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp các tài liệu chứng minh người thân của các bị cáo là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Thạch Trung T, Trần Hữu D là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Kỷ Liêu Minh Q về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Q sau khi phạm tội có thừa nhận hành vi sai phạm của mình. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và là người dân tộc H2 là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Bị cáo Q kháng xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới lẽ ra bị cáo được hưởng mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo. Và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp

dụng. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Kỷ Liêu Minh Q là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng/bị cáo.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D về việc xin giảm hình phạt.

Giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D của Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Thạch Trung T và Trần Hữu D.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Kỷ Liêu Minh Q.

1. Xử phạt bị cáo Thạch Trung T: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 25/3/2024.

2. Xử phạt bị cáo Kỷ Liêu Minh Q: 07 (bảy) năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 25/3/2024.

3. Xử phạt bị cáo Trần Hữu D: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 14/6/2024.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Thạch Trung T, Kỷ Liêu Minh Q và Trần Hữu D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng/bị cáo.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TAND tối cao (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã Vĩnh Châu (06);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu (01);
- CQĐT-Công an thị xã Vĩnh Châu (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã Vĩnh Châu (01);
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu (01);
- Bị cáo (03);
- Trại Tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (06);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu: HSPA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hữu